CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Ngân Sơn

Ngày 31/12/2025	11,600 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-9.4%	**-6.5%**	**1.5%**

DT thuần
Q4/25
227
tỷ VNĐ
QoQ: ▼85.0| -27.1%
YoY: ▼11.0| -4.5%

LN thuần
Q4/25
1.50
tỷ VNĐ
QoQ: ▼9.40| -86.3%
YoY: ▼1.33| -47.1%

LN sau thuế
Q4/25
1.16
tỷ VNĐ
QoQ: ▼7.56| -86.7%
YoY: ▼1.11| -49.1%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
3.9%
YoY: +/-▲ 0.8%

ROE
2025
12.8%
YoY: +/-▲ 2.8%

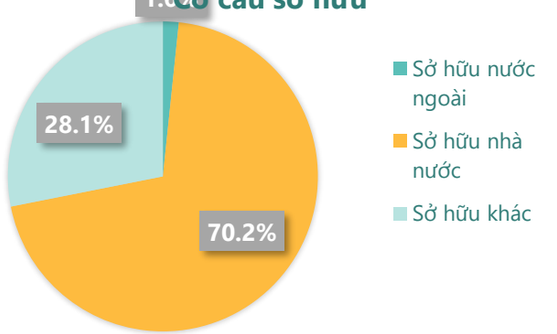
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	9,477 - 13,936
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	130
Số lượng CPLH (CP)	11,202,003
KLGD BQ 20 phiên (CP)	7,360
Sở hữu nước ngoài	1.6%
Beta	(0.12)
EPS	2,171
P/E	5.3

DT thuần
2025
945
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 76.0| 8.7%

LN thuần
2025
30.5
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 7.90| 34.9%

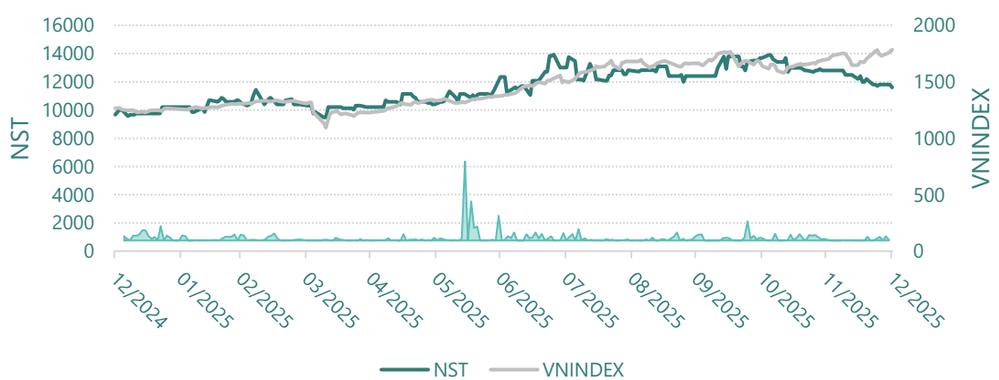
LN sau thuế
2025
24.3
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 6.00| 32.8%

Cơ cấu sở hữu

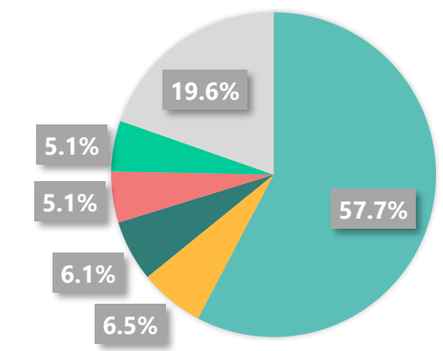


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

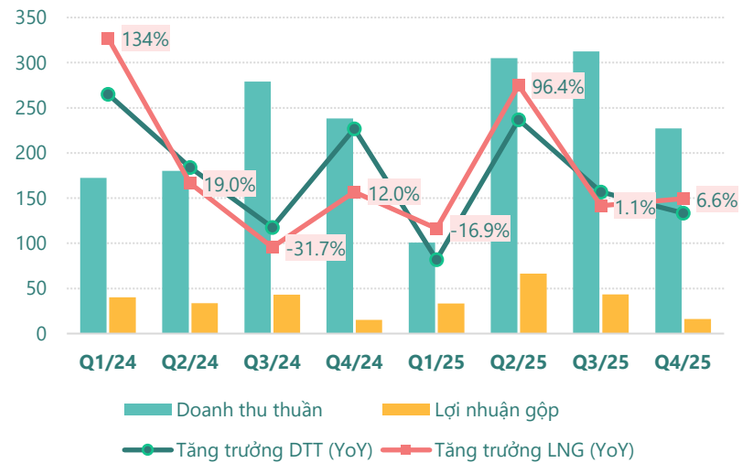


- Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam - Công ty TNHH MTV
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn
- AFC VF Ltd
- Công ty TNHH MTV Viện Thuốc lá
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

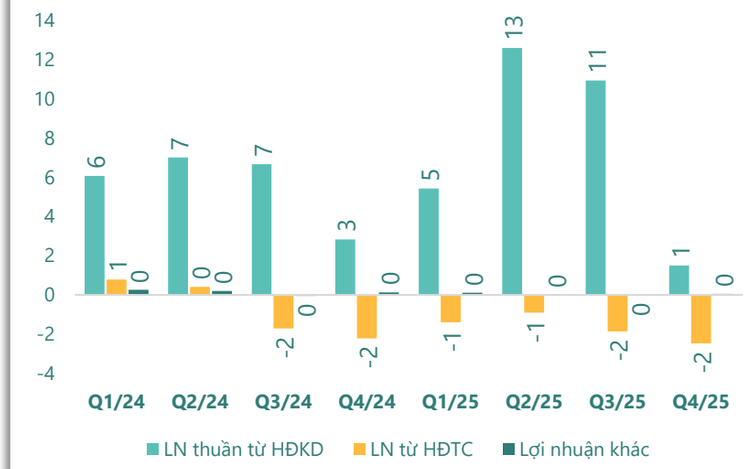
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



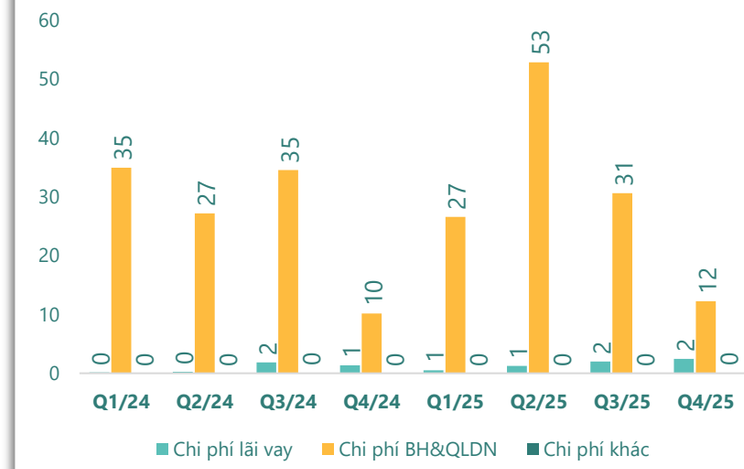
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



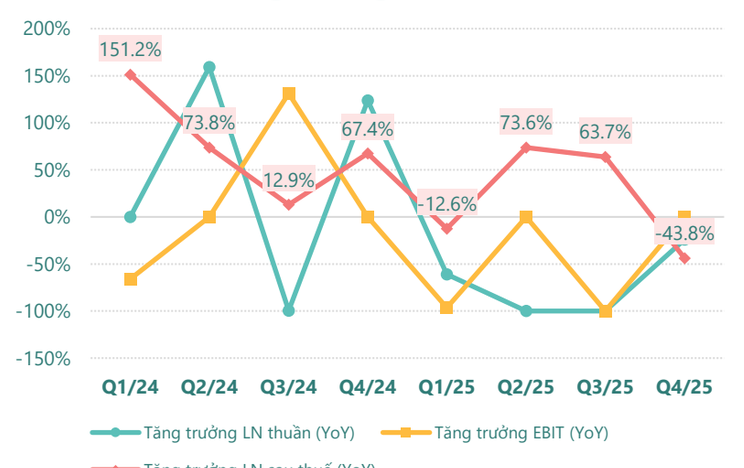
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



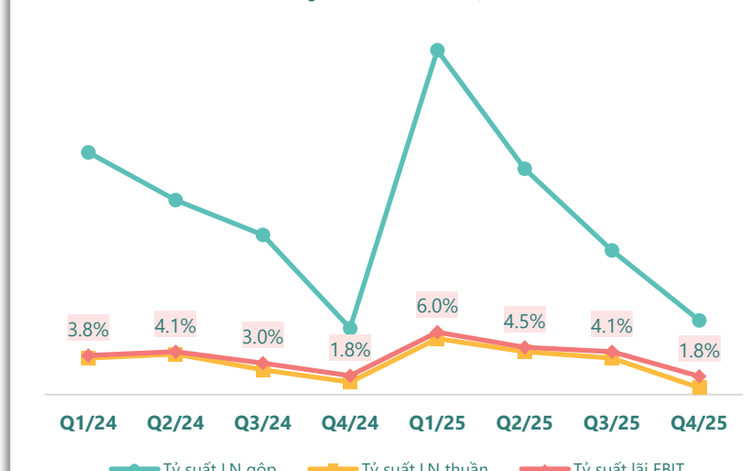
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



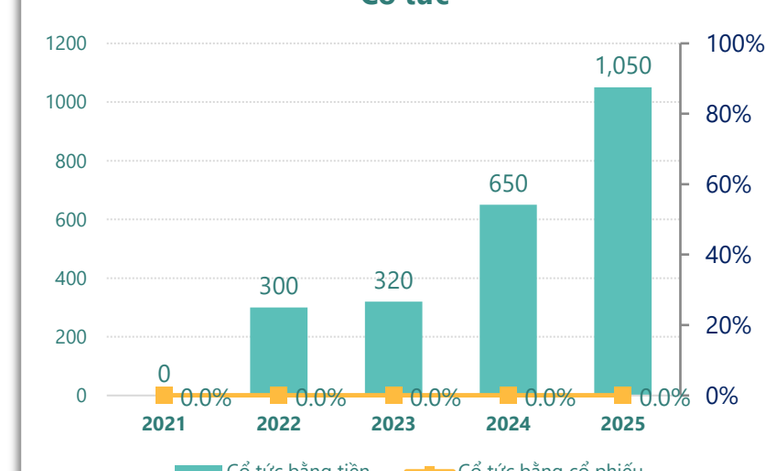
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

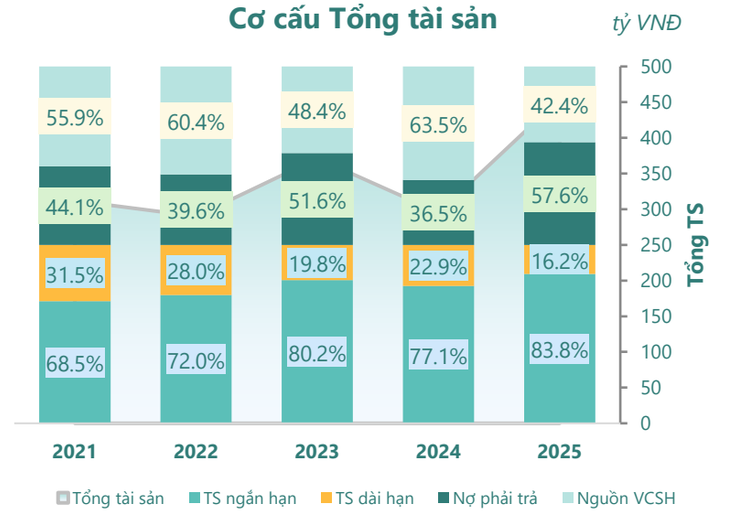
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

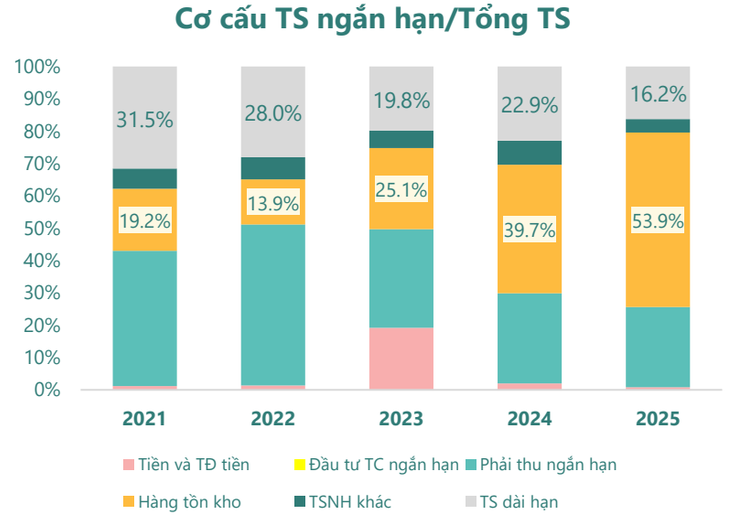
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



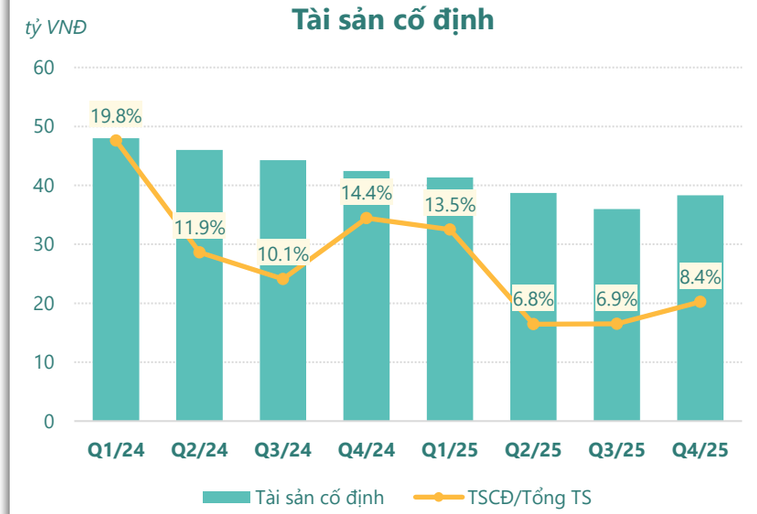
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



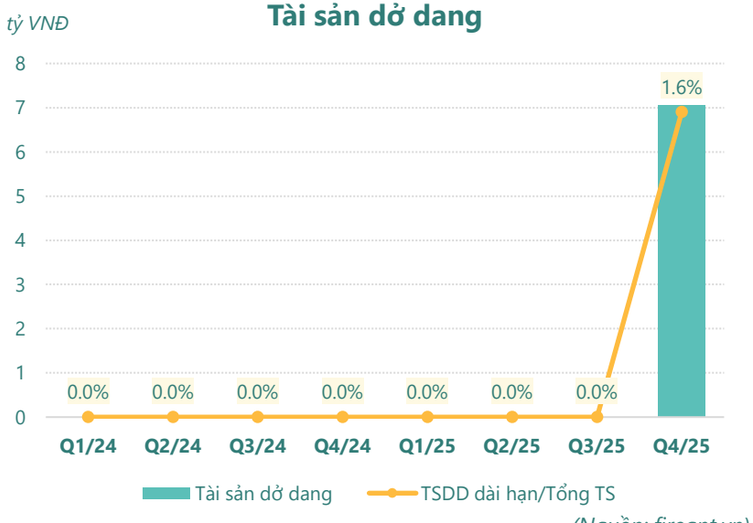
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



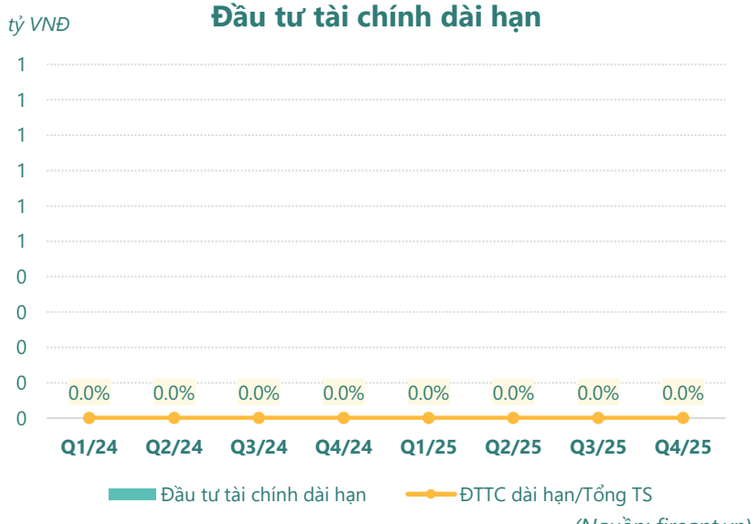
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



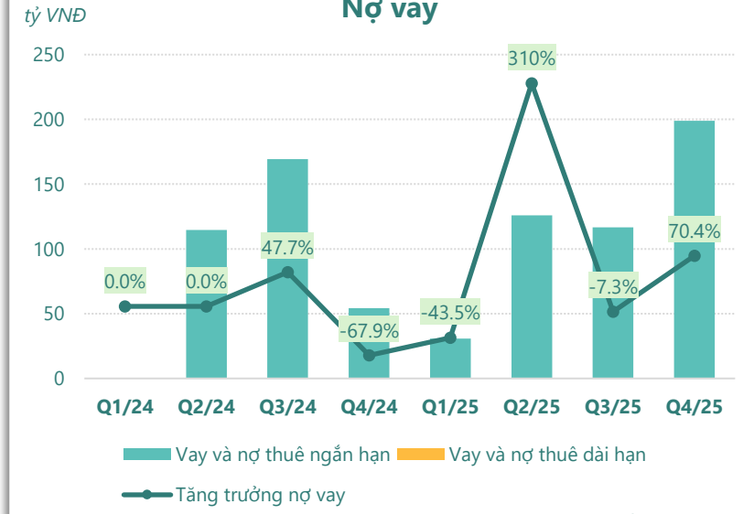
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

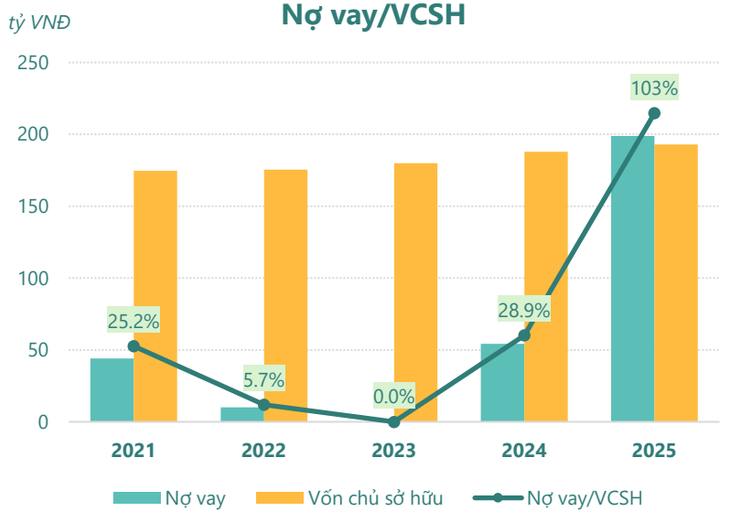
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

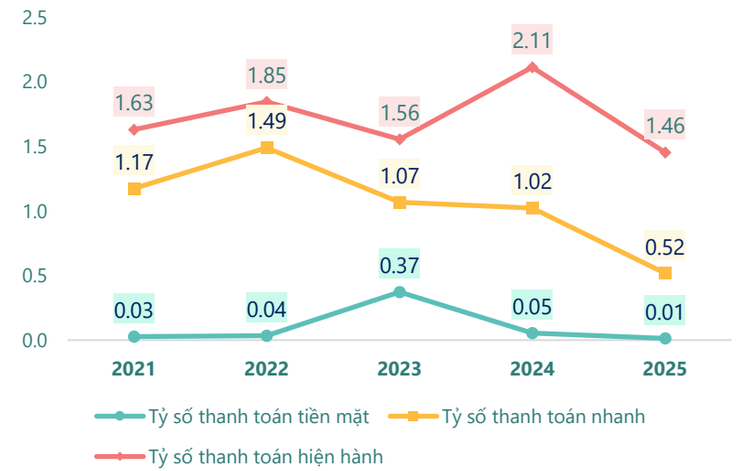
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



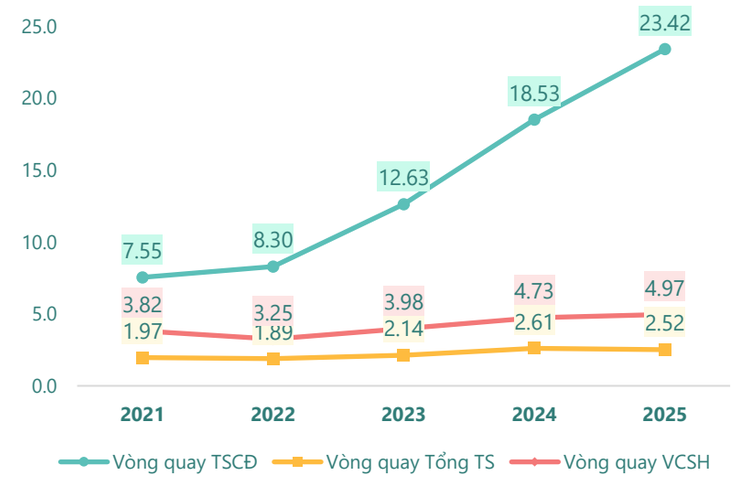
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



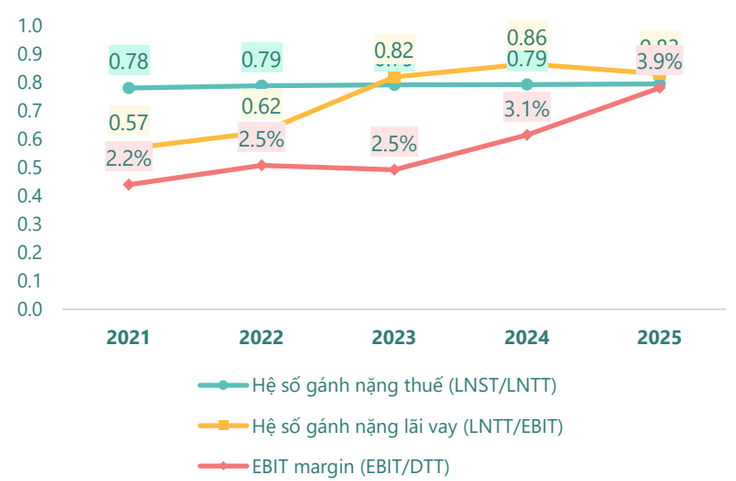
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



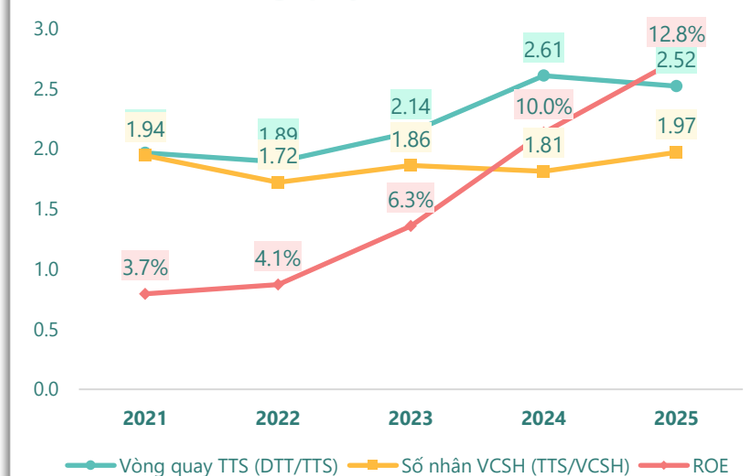
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



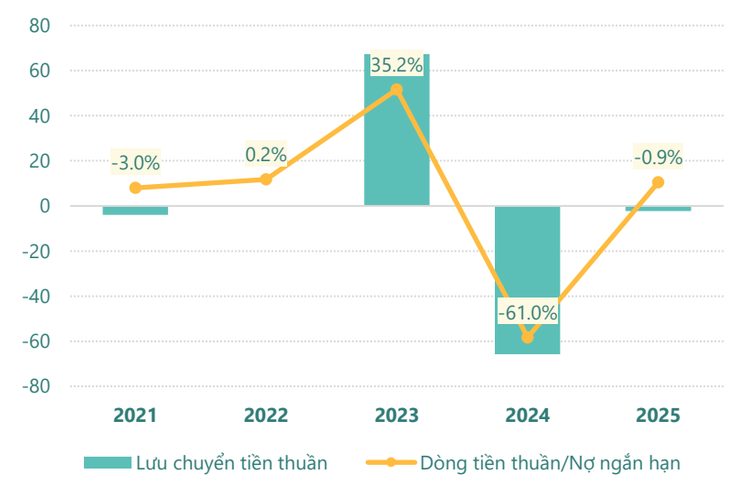
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**227**	**238**	**-4.5%**	**945**	**869**	**8.7%**
Giá vốn hàng bán	211	223	-5.4%	786	737	6.6%
Lợi nhuận gộp	16.2	15.2	6.9%	159	132	20.6%
Doanh thu HĐTC	0.10	0.52	-81.0%	1.00	2.48	-59.7%
Chi phí TC	2.57	2.73	-6.0%	7.64	5.22	46.3%
Chi phí lãi vay	2.46	1.35	82.5%	6.26	3.62	73.1%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	8.89	4.17	113%	28.5	21.3	34.0%
Chi phí QLDN	**3.39**	**6.02**	**-43.7%**	**93.8**	**85.6**	**9.6%**
LN thuần từ HĐKD	1.50	2.83	-47.1%	30.5	22.6	34.9%
Lợi nhuận khác	**0.05**	**0.13**	**-63.6%**	**0.15**	**0.53**	**-71.2%**
LN trước thuế	1.55	2.96	-47.8%	30.6	23.1	32.5%
Lợi nhuận sau thuế	**1.16**	**2.27**	**-49.1%**	**24.3**	**18.3**	**32.8%**
LNST của CĐ cty mẹ	**1.16**	**2.27**	**-49.1%**	**24.3**	**18.3**	**32.8%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-53.7	125	27.4	-97.4	10.6	-55.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-2.78	-5.40	-4.28	-0.40	-2.36	-13.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	54.7	-122	-23.7	95.2	-9.33	70.5
Tiền đầu kỳ	10.3	8.52	5.88	5.30	2.66	1.56
Lưu chuyển tiền thuần	**-1.82**	**-2.64**	**-0.58**	**-2.64**	**-1.10**	**2.01**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	8.52	5.88	5.30	2.66	1.56	3.57

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**455**	**296**	**53.8%**
Tài sản ngắn hạn	381	228	67.2%
Tiền và tương đương tiền	3.57	5.88	-39.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	113	82.5	36.7%
Hàng tồn kho	245	117	109%
Tài sản ngắn hạn khác	19.2	22.0	-12.7%
Tài sản dài hạn	**73.9**	**67.8**	**9.0%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	38.3	42.4	-9.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	7.06	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**28.5**	**25.3**	**12.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	262	108	143%
Nợ ngắn hạn	**262**	**108**	**143%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	199	54.3	266%
Phải trả người bán ngắn hạn	15.3	11.7	30.7%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**193**	**188**	**2.7%**
Vốn chủ sở hữu	**193**	**188**	**2.7%**
Vốn điều lệ	112	112	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)